

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3604082811

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 02 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM - DV - SX ANH DUY PLASTIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 3A, ấp Vĩnh An 4, Xã Trị An, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0387974599

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 1.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN ĐỨC ĐIỆP

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *10/04/1979*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: 025079015055

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 3A, ấp Vĩnh An 4, Xã Trị An, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN ĐỨC ĐIỆP

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *10/04/1979*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: 025079015055

Chức danh: *Chủ tịch công ty kiêm giám đốc*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 3A, ấp Vĩnh An 4, Xã Trị An, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Lê Hoàng Huỳnh

Số: 8618/GXN/ĐKKD



Đồng Nai, ngày 01 tháng 08 năm 2024

GIẤY XÁC NHẬN
Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ trụ sở: 108 đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251 885 0777 Fax: 0292 3830 570

Email: phongdkkddongnai@gmail.com Website: dkkd.skhdt@dongnai.gov.vn

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH TM – DV – SX ANH DUY PLASTIC

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 3604082811

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
2	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
3	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn phế liệu (trừ phế liệu độc hại, phế thải nguy hại, phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường; không chứa phế liệu tại trụ sở, chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật)	4669
5	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán buôn nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.	4620
6	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường)	3821
7	Tái chế phế liệu	3830
8	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn mỡ cá và phụ phẩm từ cá.	4632
9	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
10	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
11	Bốc xếp hàng hóa	5224
12	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

STT	Tên ngành	Mã ngành
13	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
	Chi tiết: Bán buôn than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu	
14	Vận tải hàng hóa đường bộ	4933
15	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
16	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
	Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	
17	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường; không chứa hàng tại trụ sở)	3811 (Chính)
18	(Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp phải đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, đầu tư xây dựng và các quy định khác của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Nơi nhận:

- CÔNG TY TNHH TM – DV – SX ANH DUY
PLASTIC, Địa chỉ: Tổ 3A, ấp Vĩnh An 4, xã
Trị An, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam;

-;

- Lưu: VP.....

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lê Hoàng Huỳnh



CÔNG TY TNHH TM-DV-SX ANH DUY PLASTIC

ĐƠN

ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG
cho Cơ sở

“THU MUA VÀ TÁI CHẾ PHẾ LIỆU”

ĐỊA ĐIỂM: ẤP VĨNH AN 4, XÃ TRỊ AN, TỈNH ĐỒNG NAI

TRỊ AN, THÁNG 03 NĂM 2026

CÔNG TY TNHH TM-DV-SX ANH DUY PLASTIC

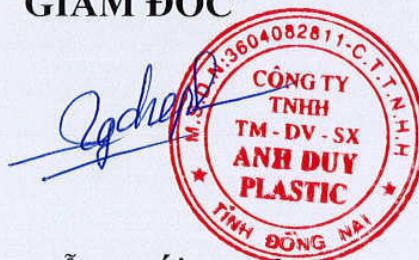
8033

ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG
cho Cơ sở

“THU MUA VÀ TÁI CHẾ PHẾ LIỆU”

ĐỊA ĐIỂM: ẤP VĨNH AN 4, XÃ TRỊ AN, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỦ CƠ SỞ
GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐỨC ĐIỆP

TRỊ AN, THÁNG 03 NĂM 2026

**CÔNG TY TNHH TM-DV-SX ANH DUY PLATIC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/ ĐKMT-MT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

V/v đăng ký môi trường cho
cơ sở “thu mua phế liệu”

Kính gửi: UBND xã Trị An

Công ty TNHH TM-DV-SX Anh Duy Plastic là Chủ đầu tư của Cơ sở “*Thu mua phế liệu*” thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025), Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 3A, ấp Vĩnh An 4, xã Trị An, tỉnh Đồng Nai.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 3604082811 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/02/2026.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TM-DV-SX Anh Duy Plastic:

+ Ông: Nguyễn Đức Điệp

Chức vụ: Giám Đốc;

+ Ngày sinh: 10/04/1979

Quốc tịch: Việt Nam.

+ CCCD: 025079015055

- Địa chỉ thường trú: Tổ 3A, ấp Vĩnh An 4, xã Trị An, tỉnh Đồng Nai..

- Địa chỉ liên lạc: Tổ 3A, ấp Vĩnh An 4, xã Trị An, tỉnh Đồng Nai..

- Điện thoại: 0387974599.

Công ty TNHH TM-DV-SX Anh Duy Plastic thực hiện hồ sơ đăng ký môi trường cho Cơ sở “*Thu mua phế liệu*” với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở

1.1. Tên dự án đầu tư, cơ sở

- Cơ sở thu mua và tái chế phế liệu

1.2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở; nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư

a/ Địa điểm thực hiện dự án đầu tư

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Tổ 3A, ấp Vĩnh An 4, xã Trị An, tỉnh Đồng Nai.

- Vị trí: Thửa đất số 125, tờ bản đồ số 46, xã Trị An, diện tích: 1.928m², MĐSD: ONT + CLN (ONT= 300m²)

- Nguồn vốn: Tổng vốn đầu tư của Cơ sở là 1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng).

1.3/ Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở

a. Quy mô

Dự án được đầu tư xây dựng trên phần đất với tổng diện tích 913 m² tọa lạc tại vị trí thửa đất Thửa đất số 125, tờ bản đồ số 46, xã Trị An, diện tích: 1.928m², MĐSD: ONT + CLN (ONT= 300m²). (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng thuê đất được đính kèm phần Phụ lục của Báo cáo) với các hạng mục sau:

Các hạng mục công trình chính:

- + Khu vực văn phòng.
- + Khu vực chứa phế liệu tái chế
- + Khu vực chứa phế liệu (mua bán trực tiếp)
- + Khu vực rửa phế liệu
- + Khu vực băm nhựa
- + Khu vực nấu nhựa
- + Khu vực chứa thành phẩm

- Các hạng mục công trình phụ trợ: bao gồm các công trình như cây xanh, đường đi, hệ thống cấp điện, cấp nước, hệ thống cấp và thoát nước, viễn thông,... có sẵn và phù hợp với quy hoạch của địa phương.

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

+ Hệ thống thu thoát nước mưa: Nước mưa chảy tràn phát sinh mái nhà hạng mục công trình đều được tự chảy theo đường rãnh thoát nước mưa hiện hữu thoát ra nguồn tiếp nhận là Rạch Súc tiếp giáp dự án

+ Hệ thống thu, gom thoát nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh đều thu gom vào bể tự hoại 05 ngăn (nằm phía dưới nhà vệ sinh, bể tự hoại thể tích 4 m³ kết cấu bê tông kết hợp với gạch thẻ, không có khả năng thấm nước), nước thải sau xử lý luôn đảm bảo nồng

độ thông số ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K= 1,2) thoát ra nguồn tiếp nhận trực tiếp là Rạch Súc tiếp giáp dự án. o Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa phế liệu tái chế được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất xử lý là 8m³/ngày.đêm để xử lý nước thải đạt quy chuẩn của QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi thải vào nguồn tiếp nhận là Rạch Súc tiếp giáp dự án.

Hệ thống xử lý bụi và khí thải: Chủ dự án đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý bụi khí thải phát sinh từ quá trình nấu nguyên liệu, đảm bảo nồng độ của khí thải sau xử lý nằm trong giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; K_p= 1; K_v=0,6), QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường không khí.

+ Khu chứa chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt được gom vào các thùng chứa có nắp đậy. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để thu gom và vận chuyển lượng chất thải này.

+ Kho chứa chất thải nguy hại diện tích 4m² kết cấu tường bao che xây gạch nền bê tông, gờ chắn nước mưa, gắn cửa bằng vật liệu tole và phía trên cửa dán biểu tượng cảnh báo nguy hại. Chủ dự án thực hiện hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, chuyển giao lượng chất thải này.

+ Công trình phòng ngừa sự cố tràn dầu: Hoạt động của dự án không sử dụng xăng, dầu nên Chủ dự án không lắp đặt công trình phòng ngừa sự cố tràn dầu.

+ Công trình phòng ngừa sự cố cháy nổ: Chủ dự án sẽ thường xuyên kiểm tra đường dây dẫn điện tại dự án, trang bị đầy đủ các phương tiện chữa cháy cầm tay và lập bảng nội dung cấm hút thuốc khu vực hoạt động của dự án

Các hạng mục công trình của dự án được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 1. Các hạng mục công trình của dự án

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Hiện trạng
	A Các hạng mục công trình chính		
1	Khu vực văn phòng	6	Xây mới trong khu vực sản xuất
2	Khu vực chứa phế liệu tái chế	70	Xây nhà tạm
3	Khu vực chứa phế liệu (mua bán trực tiếp)	100	Xây nhà tạm
4	Khu vực rửa phế liệu	6	Xây nhà tạm
5	Khu vực băm nhựa	10	Xây mới trong khu vực sản xuất

6	Khu vực chứa thành phẩm	50	Xây mới trong khu vực sản xuất
	B. Các hạng mục công trình phụ trợ		
1	Sân bãi, đường đi nội bộ	20	Xây mới
	C. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường		
1	Nhà vệ sinh – bể tự hoại 05 ngăn	6	Xây nhà tạm
2	Hệ thống xử lý bụi, khí thải	4	Xây mới trong khu vực sản xuất
3	Hệ thống xử lý nước thải	6	Xây tạm
4	Kho chứa chất thải nguy hại	4	Xây tạm
	Tổng diện tích xây dựng trên phần đất ở	282	
	Tổng diện tích xây dựng	282	

b/ Công suất

Dự án hoạt động với loại hình là mua và bán các loại phế liệu; tái chế các loại nhựa thành hạt nhựa. Công suất hoạt động của dự án như sau:

Thu mua phế liệu bao gồm nhựa PE, PA, PP và các loại nhựa phế; sắt thép, nhôm, đồng, chì, thiếc, giấy: 200 tấn/tháng

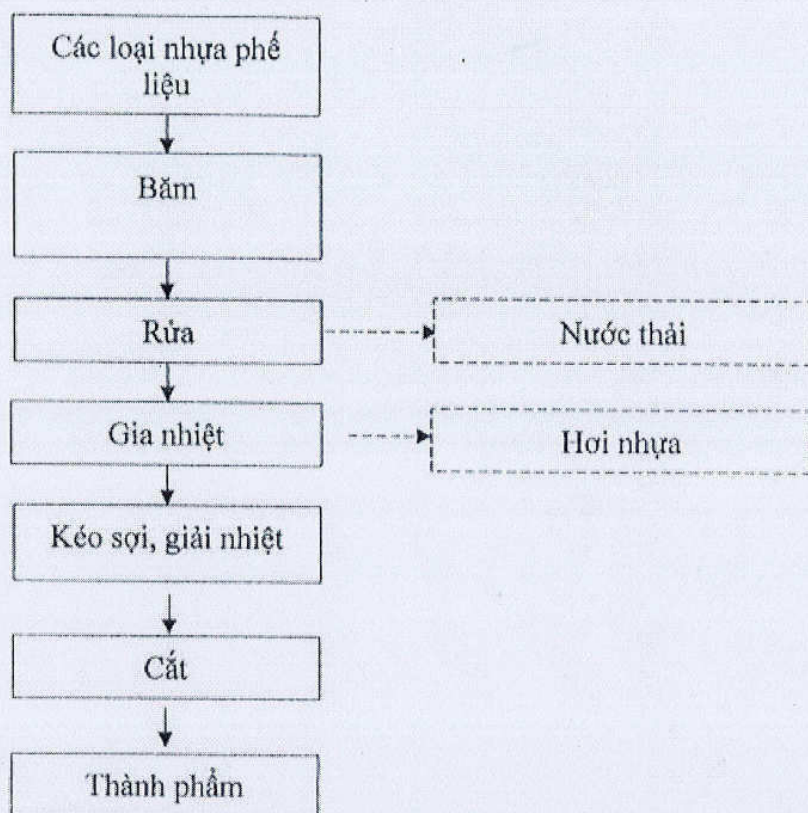
Tái chế nhựa: 15 tấn thành phẩm/ngày

Loại hình sản xuất của dự án: Dự án chủ yếu là mua và bán các loại phế liệu; tái chế các loại nhựa thành hạt nhựa; tái chế các loại nhôm phế liệu thành các loại nhôm định hình.

c/ Công nghệ

Công nghệ hoạt động trong của dự án được thể hiện như sau:

*** Quy trình tái chế nhựa**

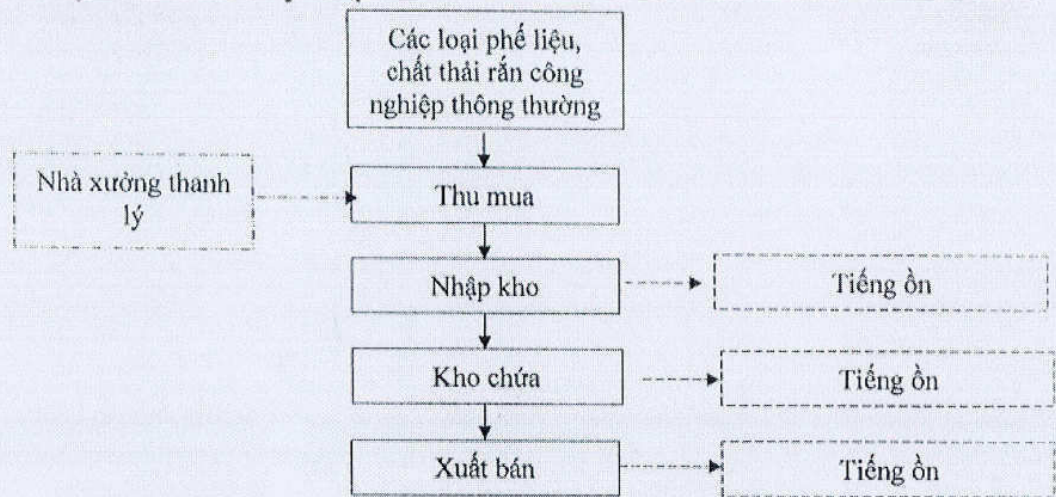


Hình 1. Quy trình tái chế nhựa

Thuyết minh quy trình

Các loại nhựa phế, dây nhựa, bao bì nhựa được cơ sở thu mua dưới dạng phế liệu từ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong khu vực và tập kết trong khu vực chứa. Sau đó sẽ được băm nhỏ để thuận tiện cho việc rửa bùn, cát có trong phế liệu. Sau đó được đưa vào lò nung để các loại nhựa nóng chảy và kéo thành dây nhựa, sau đó sẽ được đưa qua máy cắt và tạo thành hạt nhựa xuất bán cho khách hàng

Quy trình mua bán phế liệu:



Thuyết minh quy trình thu mua phế liệu

Quy trình thu mua phế liệu của dự án khá đơn giản, các loại phế liệu từ các cơ sở sản xuất kinh doanh khác hoặc các nhà xưởng có nhu cầu tháo dỡ, thanh lý (không phải là chất thải nguy hại) sẽ được thu mua bằng phương tiện vận chuyển của dự án, sau đó được cân và nhập kho tại kho chứa của dự án và xuất bán cho khách hàng.

d. Sản phẩm của dự án

Sản phẩm đầu ra của dự án là các loại hạt nhựa tái chế phục vụ làm nguyên liệu đầu vào cho quá trình chế biến các sản phẩm từ nhựa và các loại phế liệu có thể tái chế (không phải chất thải nguy hại)

2. Nguyên liệu nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án

2.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu

Với công suất sản xuất như trên, nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu trong quá trình hoạt động sản xuất của dự án này được thể hiện như sau:

Bảng 1. Nhu cầu nguyên, vật liệu của dự án

STT	Tên nguyên vật liệu	Trạng thái	Đơn vị	Số lượng
1	Nhựa phế liệu (phục vụ tái chế)	Rắn	Tấn/ngày	15,8
2	Các loại phế liệu khác (không qua tái chế) như: đồng, nhôm, sắt, chì, kẽm, inox, thiếc, bao PP, PE, PA, vải vụn, giấy	Rắn	Tấn/tháng	200
1	Tháo dỡ, thanh lý nhà xưởng	Rắn	Tấn/tháng	Tùy theo thực tế

(Nguồn: Chủ dự án, 2025)

Chủ dự án cam kết không thu mua, lưu chứa nguyên vật liệu sản xuất thuộc danh mục chất thải nguy hại theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

2.2. Nhu cầu sử dụng điện

Dự án thực hiện đầu nối, sử dụng nguồn điện từ mạng lưới điện quốc gia do điện lực Trị An cung cấp phục vụ cho hoạt động sản xuất, sinh hoạt của dự án với nhu cầu sử dụng từ 3.000 – 5.000 kWh/tháng.

2.3. Nhu cầu dùng nước

Dự án sử dụng nguồn nước giếng khoan để phục vụ hoạt động dự án (Chủ dự án cam kết thực hiện các thủ tục về khai thác nước ngầm khi dự án đi vào hoạt động) để phục vụ nhu cầu sinh hoạt: Căn cứ theo QCXDVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng quy hoạch xây dựng thì chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt cho đô thị loại I) tối thiểu là 180 lít/người.ngày.đêm, với số lượng công nhân viên làm việc dự án là 5 người nên nhu cầu sử dụng nước phục vụ sinh hoạt của dự án là $5 \text{ người} \times 180 \text{ lít/người.ngày.đêm} = 900 \text{ lít/ngày.đêm} = 0,9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Ngoài ra, dự án có sử dụng nước phục vụ cho vệ sinh các loại nhựa phế liệu phục vụ cho quá trình tái chế với nhu cầu khoảng 8 m³/ngày.đêm.

Vậy tổng lượng nước sử dụng của dự án là 8,9 m³/ngày.đêm

d/ Nhu cầu sử dụng hóa chất: không có

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của cơ sở đầu tư, cơ sở

Loại và khối lượng nước thải phát sinh (sinh hoạt, công nghiệp) hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): Nước thải phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu là từ hoạt động sinh hoạt của công nhân và nước thải từ quá trình rửa nhựa phế liệu

- Nước thải sản xuất của dự án chủ yếu là nước thải từ quá trình rửa nhựa phế liệu. Theo tính toán như trên, tổng lượng nước thải phát sinh là 8 m³/ngày.đêm.

Thành phần nước thải chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, vi sinh vật, ..

- Nước thải sinh hoạt của công nhân

Theo tính toán nhu cầu sử dụng nước như trên là 0,9 m³/ngày.đêm. Theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 06 tháng 08 năm 2014 về Thoát nước và xử lý nước thải thì 100% lượng nước cấp trở thành nước thải nên lượng nước thải phát sinh ước tính là 0,9 m³/ngày.đêm. Loại nước thải này có thể gây ô nhiễm bởi chất cặn bã, các chất hữu cơ (từ nhà vệ sinh), các chất dinh dưỡng và vi sinh... Nếu không được thu gom và xử lý thì có thể gây ảnh hưởng xấu đến nguồn nước trong khu vực. Chủ đầu tư sẽ lập phương án thiết kế xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt riêng cho dự án trước khi thoát ra môi trường bên ngoài.

- Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư):

+ Quá trình hoạt động của dự án phát sinh khí thải từ quá trình nấu nhựa phế liệu là Bụi và hơi nhựa.

+ Ngoài ra, trong quá trình sản xuất còn có phát sinh bụi từ các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực sản xuất

- Tiếng ồn và độ rung

Tiếng ồn và độ rung chủ yếu phát sinh từ quá trình vận hành máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất, phương tiện vận chuyển.

- Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu là: thực phẩm dư thừa, loại rau quả trái cây,..., tổng lượng CTRSH phát sinh là 5 kg/ngày.

- Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): không phát sinh

- Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): Các loại CTNH bao gồm các loại như sau:

- Bảng 5. Khối lượng các loại chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2	16 01 06
2	Giẻ lau dính dầu nhớt thải	Rắn	5	18 02 01
Tổng cộng			7	-

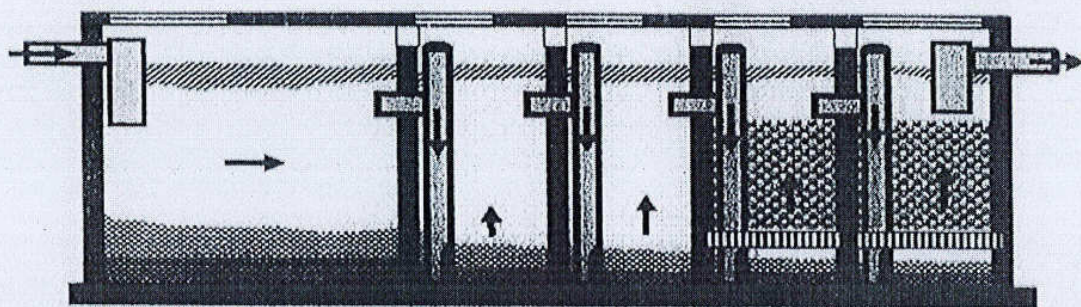
4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở

4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư)

a. Nước thải sinh hoạt

Lượng nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn đảm bảo các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt sau xử lý có nồng độ luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K= 1,2) tự chảy thoát ra nguồn tiếp nhận là rãnh nước hiện hữu tiếp giáp dự án

Mô hình bể tự hoại 05 ngăn theo quy định ngành xây dựng có hiệu suất xử lý 70% và cặn lắng được thu gom định kỳ với tần suất 06 tháng/lần.



Thuyết minh quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 05 ngăn:

Bể tự hoại sử dụng là loại bể tự hoại cải tiến BASTAF được xây dựng 05 ngăn tách biệt được điều chỉnh tính toán lượng và nồng độ dòng chảy chính xác qua các vách ngăn mỏng dòng hướng lên và ngăn lọc kỵ khí, hoạt động như sau:

+ Bước 1: Nước thải sinh hoạt được đưa tới bể chứa lớn nhất.

+ Bước 2: Nước thải chưa được lắng hoàn toàn được đưa về ngăn thứ hai qua đường ống hay vách ngăn hướng dòng, giúp cho việc tạo dòng, điều hòa dung lượng và nồng độ chất thải, ngăn làm lắng đọng chất thải, lên men kỵ khí.

+ Bước 3: Các ngăn tiếp theo nước thải được chuyển động theo chiều từ dưới lên trên tiếp xúc với các sinh vật kỵ khí lớp bùn dưới đáy bể tại điều kiện động. Các chất hữu cơ này đều được vi sinh vật kỵ khí hấp thụ và chuyển hóa, giúp chúng phát triển bên trong tại từng bể chứa. Điều này sẽ giúp ta bóc tách riêng 2 pha là lên men axit và lên men kiềm nhờ các phản ứng kỵ khí này, chuỗi phản ứng này mà được xử lý triệt để lượng bùn và các chất cặn bã hữu cơ sẽ tăng thời gian lưu bùn.

+ Bước 4: Tại ngăn lọc cuối cùng tại bể thì các sinh vật kỵ khí sống nhờ dính vào bề mặt vật liệu học, ngăn cặn lắng trôi theo với nước làm sạch nước thải.

Thể tích bể tự hoại 05 ngăn cải tiến được xây dựng như: $V_{bc} = V_{nước} + V_{bùn}$

$$V_{nước} = k \times Q_{NTSHHD} = 2 \times 0,9 = 1,8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

+ k: Hệ số lưu lượng, chọn k = 2

+ Q: Lượng nước thải sinh hoạt, chọn $Q_{NTSHHD} = 1,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

Thể tích bùn được tính theo công thức sau:

$$V_{bùn} = ((m \times N \times t \times (100 - p_1) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - p_2))) / 100.000$$

$$V_{bùn} = ((0,4 \times 5 \times 180 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - 90))) / 100.000 = 0,08 \text{ m}^3 +$$

m: Quy chuẩn cặn lắng (0,4 – 0,5 lít/người.ngày), chọn m=0,4

+ N: Số người, chọn N= 5 người.

+ t: Thời gian tích lũy cặn lắng (180 – 365 ngày), chọn t=180

+ 0,7: Hệ số tính đến 30% cặn để phân giải.

+ 1,2: Hệ số giữ lại bùn cặn lên men sau khi hút.

+ p1: Độ ẩm trung bình của cặn tươi, chọn p1= 95%

+ p2: Độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại, chọn p2=90%

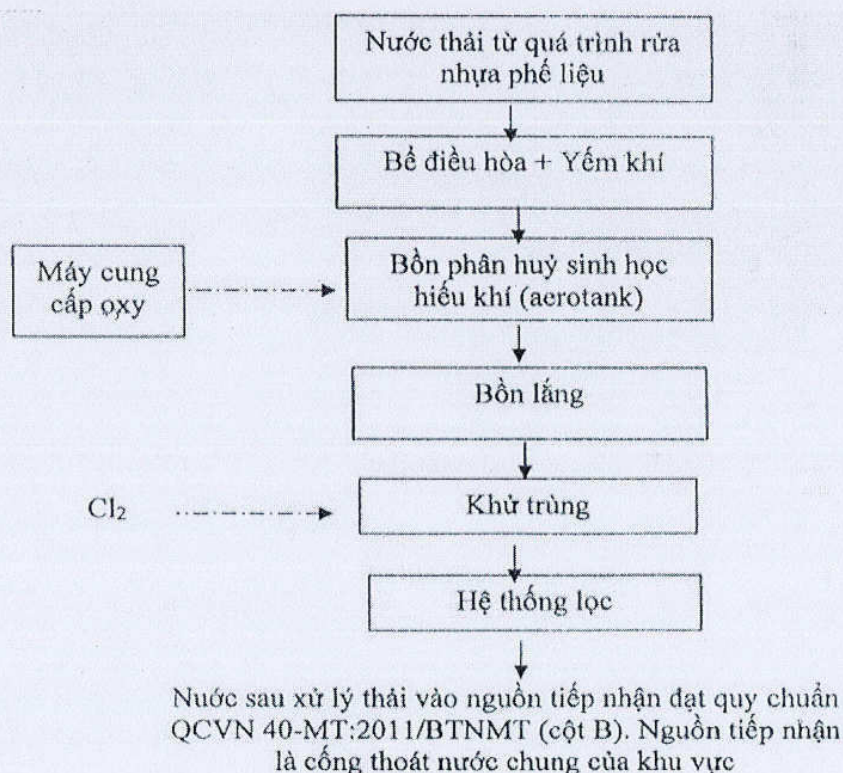
Thể tích của bể tự hoại 05 ngăn là: $V_{bể} = V_{nước} + V_{bùn} = 1,5 + 0,08 \sim 1,6$ m³

Nhằm để đảm bảo xử lý tốt lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án, nên Chủ dự án xây dựng 01 bể tự hoại 05 ngăn có thể tích 4 m³ (kích thước là 2 × 2 × 1 m) nằm phía dưới nhà vệ sinh có kết cấu bê tông và khả năng chống thấm, nước thải sau xử lý bằng bể tự hoại đảm bảo nồng độ của các thông số ô nhiễm luôn nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K= 1,2) tự chảy thoát ra nguồn tiếp nhận.

Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc (do dự án không thuộc loại hình dự án, cơ sở quy định theo Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số: 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

b. Nước thải sản xuất

Lượng nước thải phát sinh từ quá trình rửa nhựa phế liệu là 8 m³/ngày.đêm được thu gom và bơm về hệ thống xử lý công suất 10 m³/ngày.đêm. Quy trình xử lý của hệ thống như sau:



Thuyết minh quy trình xử lý nước thải

Nước thải được thu gom bằng hệ thống thoát nước riêng về bể điều hòa kết hợp yếm khí. Tại bể yếm khí nước thải được điều hòa lưu lượng, nồng độ chất bẩn, lắng các chất rắn lơ lửng. Sau đó nước thải được bơm vào bồn hiếu khí dựa

trên nguyên lý của quá trình hoạt động của vi sinh vật trong bể hiếu khí, oxi hóa chất hữu cơ có trong nước, vi sinh vật tăng trưởng lơ lửng và dính bám trong nước và tiếp xúc với chất thải và tiêu thụ cơ chất (chất hữu cơ, dinh dưỡng, khoáng chất) làm sạch nước. Nước thải tiếp tục chảy qua bể lắng, nước sạch còn lại tiếp tục qua bồn khử trùng và thải vào nguồn tiếp nhận.

Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản QCVN 40:2011/BTNMT (cột B). Nước thải sau xử lý được thải vào nguồn tiếp nhận là thoát theo địa hình tự nhiên và các suối nhỏ tiếp giáp dự án.

4.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư)

a. Giảm thiểu ô nhiễm không khí từ quá trình bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm

Lượng bụi và khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động các phương tiện vận chuyển, đối với lượng bụi phát sinh này dự án đã có những biện pháp quản lý như sau:

+ Che chắn, phủ bạt xe trong quá trình vận chuyển.

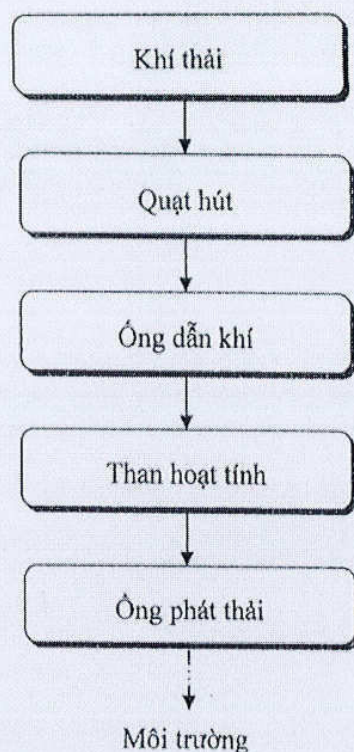
+ Bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại hạn chế di chuyển nhiều lần qua khu vực dân cư.

+ Quá trình nhập kho và xuất kho nguyên vật liệu sử dụng xe nâng, nên giảm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân sản xuất.

+ Khu vực kho chứa thành phẩm: Nhà kho xây dựng thông thoáng, đều được trang bị các hệ thống quạt thông gió theo đúng quy định. Vệ sinh kho chứa đảm bảo sạch, gọn, hàng hóa được bố trí hợp lý, khoa học tạo môi trường thông thoáng.

b. Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ quá trình sản xuất

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất tại dự án chủ yếu là do hoạt động nấu nhựa phế liệu với tổng công suất 600 m³/giờ, lượng khí thải chứa bụi và các thành phần ô nhiễm được dẫn về hệ thống xử lý bụi khí thải. Chủ dự án đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý khí thải như sau:



Hình 7. Hệ thống xử lý bụi, khí thải của dây chuyền sấy nguyên liệu

Thuyết minh quy trình xử lý bụi, khí thải của dự án:

- Công đoạn thu gom và dẫn khí thải

Khí thải (chỉ là mùi nhựa) phát sinh tại công đoạn gia nhiệt để làm nóng chảy nhựa sẽ được chụp hút có lắp đặt quạt hút ly tâm hút dòng khí theo đường ống để dẫn về tháp hấp phụ các hơi hữu cơ độc hại phát sinh trong quá trình gia nhiệt.

- Công đoạn hấp phụ khí thải

Tháp hấp phụ là dạng tháp mâm, bên trong tháp được bố trí các khay chứa than hoạt tính để hấp phụ. Trong tháp, dòng khí thải được phân tán và di chuyển từ dưới lên, xuyên qua lớp vật liệu than hoạt tính trước. Tại đây sẽ xảy ra phản ứng hấp phụ, các chất ô nhiễm trong khí thải sẽ được giữ lại trên bề mặt của than hoạt tính.

- Công đoạn sau xử lý

Dòng khí sau khi ra khỏi tháp hấp phụ là dòng khí sạch, đạt cột B theo quy chuẩn Việt Nam QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT sẽ phát thải ra môi trường xung quanh qua ống khói thải cao 10m.

Lớp than hoạt tính sau thời gian hấp phụ sẽ bị bão hòa, định kỳ sẽ được thay mới (trung bình khoảng 6 tháng/lần thay). Toàn bộ lượng than hoạt tính thải này sẽ được thu gom và quản lý như chất thải nguy hại.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi, khí thải của dự án như sau:

Bảng 14. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý bụi, khí thải công suất 1.500 m³/giờ

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Hệ thống đường ống thu gom khí thải	Inox 304, L×W = 2×0,5m	Hệ thống	1
3	Hệ thống hấp thụ khí thải	L×W×H = 0,6×0,7×0,2 m Vật liệu: than hoạt tính	Hệ thống	3
4	Quạt hút	Q= 600 m ³ /giờ	Cái	1
5	Ống thải	Inox 304, D= 900 mm	Cái	1
6	Hệ thống điện điều khiển	--	Hệ thống	1

(Nguồn: Chủ dự án, 2025)

Hoạt động xử lý bụi, khí thải của dự án hoàn toàn không sử dụng hóa chất.

Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không có (do Dự án này không thuộc loại hình dự án cơ sở quy định trong Phụ lục XXIX ban hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-

CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

c. Giảm thiểu ô nhiễm không khí từ các phương tiện vận chuyển

Phủ kín bạt che chắn cho các phương tiện trong quá trình vận chuyển.

Yêu cầu tất cả chủ phương tiện phải tắt máy phương tiện khi đã đậu, đỗ trong khu

vực sân bãi của dự án.

Bê tông hoá hoàn toàn khu vực sân bãi, đường đi nội bộ của khu vực dự án.

Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh khu vực dự án.

Thường xuyên phun nước nhằm để làm ẩm khu vực sân bãi, đường nội bộ dự án giúp

giảm bụi phát sinh khi phương tiện di chuyển trong thời điểm nắng nóng.

4.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Chủ dự án bố trí 2 thùng chứa rác loại 30 L đặt xung quanh nhà xưởng và nơi làm việc của công nhân để thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Ngoài ra, Chủ dự án còn bố trí 01 thùng rác loại 120 L hiện hữu có nắp đậy (đặt phía trước cổng) để thuận tiện công tác thu

gom của đơn vị đủ chức năng gom chất thải rắn sinh hoạt. Bên cạnh đó Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án với tần suất thu gom mỗi ngày.

Các thiết bị lưu, chứa chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo đúng Thông tư số: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường Không phát sinh

c. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư):

Lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án đều được thu gom, lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích là 4 m² (kho chứa chất thải nguy hại có kết cấu xung quanh được che bằng tole, nền bê tông, mái lợp tole, có gắn cửa ra vào, có gờ chắn ngăn cách chất thải bên trong không rò rỉ được ra bên ngoài, trong kho chất thải nguy hại có trí các thùng chứa có nắp đậy, đều được ghi mã số từng loại chất thải nguy hại phát sinh quá trình hoạt động của dự án). Bên cạnh đó, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để thu gom, chuyển giao CTNH theo đúng quy định.

Thiết bị, kho chứa chất thải nguy hại đảm bảo theo đúng quy định trong Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có)

Độ ồn và độ rung tại dự án chủ yếu phát sinh từ quá trình vận hành máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất, phương tiện vận chuyển.

Đối với thiết bị vận hành dây chuyền sản xuất

+ Trang bị đầy đủ thiết bị và đồ bảo hộ lao động thích hợp cho công nhân làm việc trực tiếp trong từng công đoạn sản xuất của dự án.

+ Sử dụng máy móc và thiết bị hiện đại ít phát sinh tiếng ồn, rung động. Theo catalogue của các thiết bị sử dụng có độ ồn, độ rung có khoảng cách 7 m lần lượt dao động trong khoảng từ 50 dBA – 68 dBA và 50 dB – 60 dB.

+ Định kỳ bảo trì máy móc, thiết bị như: Bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng nhằm để đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động.

+ Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết. Gắn thêm vào vị trí phát sinh rung động một lớp đệm cao su, hoặc siết chặt chúng lại, chỉnh sửa sao cho chúng ăn khớp.

Đối với các phương tiện vận chuyển

+ Yêu cầu tắt máy các phương tiện vận chuyển khi vào khuôn viên của dự án. + Không sử dụng các phương tiện vận chuyển vào giờ nghỉ trưa và ban đêm.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Chủ đầu tư cam kết tất cả số liệu và nội dung được trình bày trong văn bản đăng ký môi trường trường của dự án là hoàn toàn chính xác, trung thực theo đúng thực tế và hiện trạng hoạt động của dự án.

Trong quá trình hoạt động, Chủ đầu tư cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo xử lý các nguồn gây ô nhiễm đạt các qui chuẩn bảo vệ môi trường tương ứng trong suốt quá trình hoạt động. Cụ thể:

+ QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K= 1,2); Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

QCVN 40:2011/BINMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; K= 1,0; K=1,0): Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.
+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

+ Chủ dự án cam kết thu gom lưu giữ và chuyển giao lượng chất thải rắn thông thường và CTNII theo quy định Nghị định số 08/2022/ND-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Chủ Cơ sở cam kết phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý an ninh trật tự, tệ nạn xã hội khu vực trong quá trình thực hiện Cơ sở.

Chủ Cơ sở xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường.

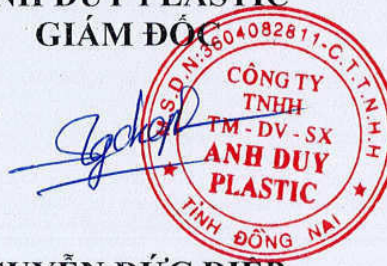
Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị UBND xã Trị An tiếp nhận đăng ký môi trường của Cơ sở "Thu mua và tái chế phế liệu" của Công ty TNHH TM-DV-SX Anh Duy Plastic tại Tổ 3A, ấp Vĩnh An 4, xã Trị An, tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: MT(1b).

**CÔNG TY TNHH TM-DV-SX
ANH DUY PLASTIC
GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN ĐỨC ĐIẾP

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRỊ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số : 1714 /UBND-KT
V/v tiếp nhận đăng ký bảo vệ môi trường cho “Cơ sở thu mua và tái chế phế liệu” của Công ty TNHH TM-DV-SX Anh Duy PLASTIC.

Trị An, ngày 23 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Công ty TNHH TM-DV-SX Anh Duy PLASTIC.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025);

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.

UBND xã Trị An tiếp nhận công văn số 01/ĐKMT-MT ngày 20/03/2026 của Công ty TNHH TM-DV-SX Anh Duy PLASTIC cho cơ sở “Thu mua và tái chế phế liệu” tại tổ 3A, ấp Vĩnh An 4; xã Trị An. Công ty TNHH TM-DV-SX Anh Duy PLASTIC có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, cơ sở, biện pháp bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các phương án thu gom, quản lý, xử lý chất thải theo nội dung đã đăng ký.
3. Đảm bảo nguồn nước thải phải xử lý sơ bộ; thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.
4. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo báo cáo đăng ký môi trường đã đăng ký và có trách nhiệm theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi về nội dung đăng ký, Công ty TNHH TM-DV-SX Anh Duy PLASTIC có trách nhiệm đăng ký môi trường lại trước khi thực hiện các thay đổi đó.

Văn bản đăng ký môi trường là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra về bảo vệ môi trường của cơ sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND xã;
- C, PCVP HĐND&UBND xã;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Uy Danh